

Số: **1675** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **19** tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài
thành phố Hải Phòng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu
tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu,
Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành
án dân sự ngày 11/01/2022;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến
đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040,
tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét báo cáo và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số
1971/KHĐT-KTĐN ngày 07/6/2023 về việc đề nghị phê duyệt Danh mục các dự
án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài thành
phố Hải Phòng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 (gửi kèm theo).



Handwritten signature or mark.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; kịp thời đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung Danh mục cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT; các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XDGT&CT, TCNS, NNTN&MT, VX, NC&KTGS;
- CV: XD5;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số **1675** /QĐ-UBND ngày **19** /6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Mục tiêu	Quy mô/ Công suất dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (USD)	Ghi chú
I	Lĩnh vực du lịch					
1	Xây dựng Cảng tàu khách quốc tế thuộc Tổ hợp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	Phát triển thị trường khách du lịch tàu biển.	Tiếp nhận các tàu biển du lịch quốc tế 5 sao, có sức chứa từ 5.000 - 6.000 khách	20.000.000	
2	Đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái hồ Sông Giá	Huyện Thủy Nguyên	Khai thác giá trị cảnh quan hồ Sông Giá kết nối du lịch văn hóa tâm linh (Khu Di tích Tràng Kênh - Bạch Đằng, bãi cọc Cao Quỳ).	Xây dựng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng...	30.000.000	Xác định 10ha trong quy hoạch sử dụng đất huyện Thủy Nguyên giai đoạn 2021-2030
3	Phát triển du lịch với thể thao & vui chơi giải trí tại quận Đồ Sơn	Quận Đồ Sơn	Xây dựng Đồ Sơn thành trung tâm có thương hiệu về tổ chức hội nghị, hội thảo..., du lịch lễ hội, tín ngưỡng	900-910 ha		
4	Khu du lịch sinh thái, đô thị nghỉ dưỡng, trải nghiệm gắn với các điểm nước khoáng nóng	Xã Khởi Nghĩa, Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng	Du lịch với công viên chuyên đề, dịch vụ, đô thị nghỉ dưỡng	340 ha		

II	Lĩnh vực giáo dục					
5	Thành lập cơ sở giáo dục đại học		Thành lập được một số cơ sở giáo dục đại học do các tập đoàn giáo dục có uy tín quốc tế đầu tư xây dựng.	Do nhà đầu tư đề xuất và được thống nhất trong quá trình xúc tiến đầu tư.		
6	Xây dựng trường liên cấp quốc tế		Dự kiến năm 2025 đến năm 2030 có 03 trường liên cấp quốc tế.			
7	Cụm trường khu vực Thủy Nguyên	Huyện Thủy Nguyên	Ưu tiên các ngành đào tạo khoa học ứng dụng	50-60 ha		
8	Cụm trường khu vực An Dương	Huyện An Dương	Ưu tiên các ngành đào tạo khoa học xã hội	50-70 ha		
9	Cụm trường khu vực Dương Kinh - Kiến Thụy	Huyện Kiến Thụy, quận Dương Kinh	Ưu tiên các ngành đào tạo kỹ thuật hàng hải	16-22 ha		
10	Cụm/Khu trường quận Kiến An	Huyện Kiến An	Ưu tiên các ngành đào tạo khoa học ứng dụng về kinh tế biển, hàng hải	120-130 ha		
11	Cụm trường khu vực Tiên Lãng	Huyện Tiên Lãng	Ưu tiên các ngành đào tạo hàng không và môi trường	100-130 ha		
12	Trường dạy nghề Vĩnh Bảo	Huyện Vĩnh Bảo	Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật cao	20-25 ha		
13	Trường dạy nghề An Lão	Huyện An Lão		20-25 ha		
14	Các cụm trường thuộc khu cụm công nghiệp		Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật cao	50-100 ha		
III	Lĩnh vực y tế					
15	Khu vực Bắc sông Cấm	Huyện Thủy Nguyên	Tổ hợp y tế chuyên sâu phát triển mới	15-20 ha		
16	Khu vực An Dương	Huyện An Dương	Tổ hợp y tế chuyên sâu phát triển mới	25-30 ha		

17	Khu vực huyện Tiên Lãng	Huyện Tiên Lãng	Tổ hợp y tế chuyên sâu phát triển mới	40-50 ha		
18	Khu vực quận Kiến An	Quận Kiến An	Tổ hợp y tế chuyên sâu phát triển mới	30-40 ha		
19	Khu vực Kiến Thụy	Huyện Kiến Thụy	Y tế dự phòng, Công nghiệp dược, Thiết bị y tế	15-17 ha		
20	Khu vực Vĩnh Bảo	Huyện Vĩnh Bảo	Y tế dự phòng, Công nghiệp dược, Thiết bị y tế	5-8 ha		
21	Khu vực An Lão	Huyện An Lão	Y tế dự phòng, Công nghiệp dược, Thiết bị y tế	10-16 ha		
IV	Lĩnh vực công nghiệp					
22	Các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030		Phát triển các ngành công nghiệp: Cơ khí - luyện kim; hóa chất - cao su nhựa; điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin và công nghệ cao; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao; thiết bị điện; vật liệu xây dựng; công nghiệp nhẹ; công nghiệp tái chế, xử lý chất thải nguy hại, xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải.			
V	Lĩnh vực phát triển khu, cụm công nghiệp					
	Khu công nghiệp (KCN)					
23	Khu công nghiệp Thủy Nguyên	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	310-320 ha		
24	Khu công nghiệp Nam Tràng Cát	Phường Tràng Cát, quận Hải An	Phát triển sản xuất công nghiệp	202 ha		

25	Khu công nghiệp Tam Hưng - Ngũ Lão	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	150-170 ha		
26	Khu công nghiệp phía Bắc đảo Cát Hải	Huyện Cát Hải	Phát triển sản xuất công nghiệp	180-200 ha		
27	Khu công nghiệp Tràng Duệ (giai đoạn 3)	Các xã: Bát Trang, Trường Thọ, Trường Thành huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	400 ha		
28	KCN Nomura 2	Huyện An Dương	Phát triển sản xuất công nghiệp	240-245 ha		
29	KCN An Hưng - Đại Bản	Huyện An Dương	Phát triển sản xuất công nghiệp	250-255 ha		
30	KCN Cầu Cự	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	100-110 ha		
31	KCN Giang Biên II-Vĩnh Bảo	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	350 ha		
32	KCN An Hòa	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	200 ha		
33	KCN Vinh Quang	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	340-350 ha		
34	KCN Tiên Lãng 1	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	407 ha		
35	KCN Tiên Lãng 2	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	500-550 ha		
36	KCN sân bay Tiên Lãng	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	450-550 ha		

37	KCN Ngũ Phúc	Huyện Kiến Thụy	Phát triển sản xuất công nghiệp	250 ha		
38	KCN Tân Trào	Huyện Kiến Thụy	Phát triển sản xuất công nghiệp	200 ha		
	Khu vực phát triển công nghiệp (KVPTCN)					
39	KVPTCN Bến Rừng	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	330 ha		
40	KVPTCN phía Tây Nam đảo Cát Hải	Huyện Cát Hải	Phát triển sản xuất công nghiệp	700-720 ha		
41	KVPTCN, logistics, phi thuế quan Bắc Lạch Huyện	Huyện Cát Hải	Phát triển sản xuất công nghiệp	1.200-1.300 ha		
42	KVPTCN đảo Cái Tráp	Huyện Cát Hải	Phát triển sản xuất công nghiệp	100-110 ha		
43	KVPTCN Trần Dương - Hòa Bình	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	800-900 ha		
44	KVPTCN Trung Lập	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	500-600 ha		
45	KVPTCN Tam Đa	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	150-180 ha		
	Cụm công nghiệp					
46	CCN Lê Thiện - Đại Bản	Huyện An Dương	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-75 ha		
47	CCN Tân Trào	Huyện Kiến Thụy	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-75 ha		
48	CCN Quang Hưng	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-75 ha		

49	CCN Cẩm Văn	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	40-50 ha		
50	CCN An Thọ và CCN An Thọ - Chiến Thắng	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	130 ha		
51	CCN Chiến Thắng 1, 2	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	80-90 ha		
52	CCN Quang Trung	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	35-40 ha		
53	CCN Cửa Hoạt - Quán Thắng	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	65-70 ha		
54	CCN làng nghề Mỹ Đồng	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	55-60 ha		
55	CCN Kiền Bái	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	20 ha		
56	CCN Kiền Bái - Cao Nhân	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	45-50 ha		
57	CCN Kênh Giang	Huyện Thủy Nguyên	Phát triển sản xuất công nghiệp	35-40 ha		
58	CCN Nam Am	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	40-50 ha		
59	CCN Quyết Tiến	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-75 ha		
60	CCN Quyết Tiến 2	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-75 ha		
61	CCN Tiên Cường I	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	220-230 ha		
62	CCN Tiên Cường III	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp			

63	CCN Quang Phục	Huyện Tiên Lãng	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-55 ha		
64	CCN Dũng Tiến - Giang Biên	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	110-120 ha		
65	CCN làng nghề Cổ Am	Huyện Vĩnh Bảo	Phát triển sản xuất công nghiệp	20-30 ha		
66	CCN Tràng Duệ	Huyện An Dương	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-75 ha		
67	CCN Quốc Tuấn	Huyện An Lão	Phát triển sản xuất công nghiệp	50-70 ha		
VI	Lĩnh vực phát triển Trung tâm Logistics					
68	Trung tâm logistics Lạch Huyện	Khu vực bến cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	Phục vụ các dịch vụ cảng biển của cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	300-350 ha		Tiềm năng thêm 500 - 650 ha
69	Trung tâm logistics VSIP	Khu công nghiệp VSIP	Vận tải, kho bãi, đóng gói, xếp dỡ hàng hóa	15 ha		
70	Trung tâm logistics Tràng Duệ	Khu vực An Dương	Phục vụ cảng biển và hỗ trợ hoạt động cho Trung tâm logistics cấp Vùng	40 ha		
71	Trung tâm logistics Tiên Lãng	Xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng	Trung tâm logistics cấp Vùng	50 ha		
72	Trung tâm logistics An Lão	Khu vực An Lão	Khu vực giao cắt đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, QL.10	30-100 ha		
73	Trung tâm logistics Kiến Thụy	Xã Đoàn Xá và xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy	Cảng thủy nội địa, kho hàng lỏng	120 ha		

74	Trung tâm logistics cảng Nam Đồ Sơn	Khu vực Kiến Thụy, Đồ Sơn		200-300 ha		
75	Trung tâm logistics Nam Đình Vũ	Khu công nghiệp Nam Đình Vũ	Vận tải, kho bãi, đóng gói, xếp dỡ hàng hóa, thủ tục hành chính	150 ha		
76	Trung tâm logistics chuyên dùng hàng không	Phường Tràng Cát, quận Hải An	Vận tải hàng không, kho bãi, giao nhận hàng không, đóng gói, xếp dỡ hàng hóa	6 ha		
VII	Lĩnh vực phát triển mạng lưới viện nghiên cứu (R&D)					
77	Viện, trung tâm R&D tại quận Dương Kinh	Quận Dương Kinh	công nghệ thông tin - phần mềm smart city (đô thị thông minh)	15-25 ha		
78	Viện, trung tâm R&D tại Bắc Sông Cấm	Huyện Thủy Nguyên	công nghệ cao	10-20 ha		
79	Viện, trung tâm R&D tại khu vực Nam Đình Vũ	Quận Hải An	công nghệ cao	05-10 ha		
80	Viện, trung tâm R&D tại huyện Tiên Lãng, Thủy Nguyên	Huyện Tiên Lãng, Thủy Nguyên	đại dương học, hải sản, y học biển...	50-70 ha		
81	Các khu vực khác trên địa bàn thành phố		Khu vực đô thị mới	60-80 ha		
VIII	Lĩnh vực phát triển đô thị					
82	Khu đô thị ven sông Hòn Ngọc và Khu đô thị Nam sông Hòn Ngọc	Xã Thiên Hương và xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	50 ha		

83	Khu đô thị Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	Xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	15 ha		
84	Khu đô thị Hòn Ngọc, khu vực phía Bắc sông Cẩm, huyện Thủy Nguyên	Xã Hoa Đông, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	120 ha		
85	Khu đô thị sinh thái thông minh đa chức năng Nam sông Cẩm tại quận Hồng Bàng	Phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	Xây dựng Khu đô thị mới	118 ha		
86	Khu đô thị hỗn hợp đa chức năng kết hợp trung tâm tài chính văn hóa ven sông Cẩm tại quận Ngô Quyền	Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	Xây dựng khu nhà ở, công trình công cộng, công viên cây xanh...	118 ha		
87	Khu đô thị Nam Tràng Cát, quận Hải An	Phường Tràng Cát, quận Hải An	Xây dựng Khu đô thị mới	200 ha		
88	Khu đô thị mới tại phường Đồng Hòa, quận Kiến An và các phường Hưng Đạo, Đa Phúc quận Dương Kinh	Phường Đồng Hòa, quận Kiến An và các phường Hưng Đạo, Đa Phúc quận Dương Kinh	Xây dựng Khu đô thị mới	160 ha		
89	Khu đô thị mới Hưng Đạo - Dương Kinh	Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	Xây dựng Khu đô thị mới	50 ha		
90	Khu đô thị tại xã Hồng Phong, huyện An Dương	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	Xây dựng Khu đô thị mới	16 ha		

91	Mở rộng khu đô thị Trảng Duệ, huyện An Dương	Xã Lê Lợi, huyện An Dương	Xây dựng khu đô thị mới	150 ha		
92	Khu đô thị xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy	Xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy	Xây dựng khu đô thị mới	21,33 ha		
93	Khu đô thị phức hợp sinh thái, giải trí, thể thao, du lịch và nghỉ dưỡng	Xã Bắc Sơn, xã Nam Sơn, huyện An Dương	Xây dựng khu đô thị mới	40 ha		
94	Khu đô thị mới xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	Xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	Xây dựng Khu đô thị mới	77,9 ha		
95	Khu đô thị Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo	Xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo	Xây dựng Khu đô thị mới	40 ha		
96	Khu nhà ở công nhân và Khu nhà ở Xã hội (Lô ĐO 120-1, ĐO 120-2, ĐO 120-3)	Quận Hải An	Xây dựng khu đô thị mới	48 ha		
97	Khu đô thị Bàng La, quận Đồ Sơn	Phường Bàng La, quận Đồ Sơn	Xây dựng Khu đô thị mới	520 ha		
98	Khu nhà ở xã hội An Đồng, huyện An Dương	Xã An Đồng, huyện An Dương	Xây dựng Khu nhà ở	56 ha		
99	Khu đô thị tại xã Hồng Thái, huyện An Dương	Xã Hồng Thái, huyện An Dương	Xây dựng Khu đô thị mới	14 ha		

100	Khu đô thị tại xã An Đồng và thị trấn An Dương, huyện An Dương	Xã An Đồng và thị trấn An Dương, huyện An Dương	Xây dựng Khu đô thị mới	11,2 ha		
101	Khu dân cư Hồng Phong, huyện An Dương	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	Xây dựng Khu nhà ở	9,5 ha		
102	Khu đô thị Đồng Thái, huyện An Dương	Xã Đồng Thái, huyện An Dương	Xây dựng khu đô thị mới	73,76 ha		
103	Khu đô thị thị trấn An Lão, huyện An Lão	Thị trấn An Lão, huyện An Lão	Xây dựng Khu đô thị mới	35 ha		
104	Khu dân cư Quốc Tuấn, huyện An Lão	Xã Quốc Tuấn, huyện An Lão	Xây dựng Khu đô thị mới	24,3 ha		
105	Khu nhà ở xã hội tại xã An Tiến, huyện An Lão	Xã An Tiến, huyện An Lão	Xây dựng Khu nhà ở	8,93 ha		
106	Khu nhà ở thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Xây dựng Khu nhà ở	8,98 ha		
107	Khu đô thị thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Xây dựng Khu nhà ở	12,6 ha		
108	Khu nhà ở tại xã Thanh Sơn	Huyện Kiến Thụy	Xây dựng Khu nhà ở	6,3 ha		

109	Khu đô thị Dương Kinh - Kiến Thụy	Phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh và xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	Xây dựng khu đô thị mới	200 ha		
110	Khu đô thị Đông Nam Hải Phòng, quận Dương Kinh	Các phường Hòa Nghĩa, Tân Thành, quận Dương Kinh và phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn	Đầu tư xây dựng Khu đô thị hỗn hợp, đa chức năng kết hợp công viên du lịch sinh thái	2.000 ha		
111	Khu đất ở công nhân, tái định cư, nhà ở xã hội tại xã Tiên Thanh	Huyện Tiên Lãng	Xây dựng Khu nhà ở	68,43 ha		
112	Dự án khu đô thị mới tại xã Tân Dương và xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên	Xã Tân Dương và xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	51,15 ha		
113	Khu đô thị tại xã Thủy Đường, An Lư, huyện Thủy Nguyên	Xã Thủy Đường, An Lư, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng Khu đô thị mới	90 ha		
114	Khu đô thị Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên	Xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng Khu đô thị mới	100 ha		

115	Khu đô thị Hoa Động - Lâm Động, huyện Thủy Nguyên	Xã Hoa Động, Lâm Động, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng Khu đô thị mới	93 ha		
116	Khu đô thị tại xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên	Xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	22 ha		
117	Khu đô thị mới tại lô đất 15.3 và 16.3 trong Quy hoạch 1/2000 quận Dương Kinh	Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh	Xây dựng khu đô thị mới	61 ha		
118	Khu đô thị tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh	Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh	Xây dựng Khu đô thị mới	30 ha		
119	Khu đô thị Hải Phong, quận Dương Kinh	Phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	Xây dựng Khu nhà ở	7 ha		
120	Khu nhà ở tại xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	Xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	Xây dựng khu đô thị mới	32 ha		
121	Khu đô thị mới tại xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	Xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	Xây dựng khu đô thị mới	10 ha		
122	Khu đô thị, dịch vụ du lịch Phù Long	Xã Phù Long, huyện Cát Hải	Xây dựng khu đô thị mới	170,1 ha		
123	Khu đô thị tại thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	Xây dựng khu đô thị mới	69 ha		

124	Khu dân cư tại xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo	Xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo	Xây dựng khu đô thị mới	30 ha		
125	Khu đô thị mới tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	Xã Thủy Đường và xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	400 ha		
126	Dự án phát triển khu dân cư tại xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên	Xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu đô thị mới	40,3 ha		
127	Khu đô thị Quán Toan, quận Hồng Bàng	Phường Quán Toan, quận Hồng Bàng	Xây dựng khu đô thị mới	100 ha		
128	Khu đô thị tại phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	Phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	Xây dựng Khu đô thị mới	50 ha		
129	Xây dựng nhà ở xã hội kết hợp chung cư trên địa bàn quận Ngô Quyền	Quận Ngô Quyền	Xây dựng Khu nhà ở	17,2 ha		
130	Khu nhà ở xã hội tại quận Lê Chân	Quận Lê Chân	Xây dựng Khu nhà ở	9,8 ha		
131	Xây dựng nhà ở xã hội kết hợp chung cư trên địa bàn quận Kiến An	Quận Kiến An	Xây dựng Khu nhà ở	0,8 ha		
132	Xây dựng nhà ở xã hội kết hợp chung cư trên địa bàn quận Đồ Sơn	Quận Đồ Sơn	Xây dựng Khu nhà ở	0,2 ha		
133	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn thành phố		Xây dựng Khu nhà ở	150 ha		

IX	Xây dựng khu xử lý chất thải					
134	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện tại Đình Vũ	Quận Hải An	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn	10 ha		
135	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện tại Trần Dương (1.000 tấn/ngày)	Huyện Vĩnh Bảo	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn	10 ha		
136	Dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung tại Đồng Văn - An Dương (1.000 tấn/ngày)	Huyện An Dương	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn	20 ha		
137	Dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn Ngọc Chủ - An Lão (500 tấn/ngày)	Huyện An Lão	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn	10 ha		

PHÒNG QUẢN LÝ